

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD Q3/2024

CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | DBD (HOSE)

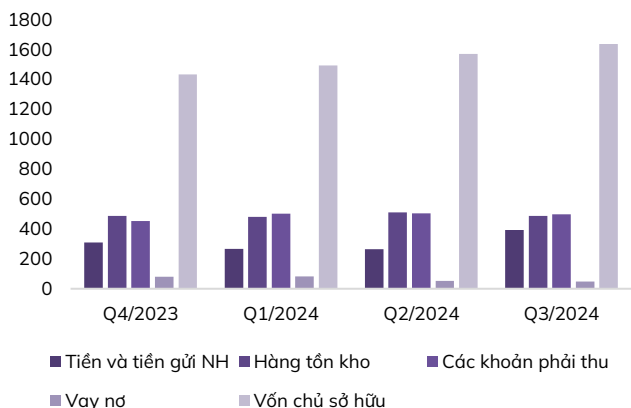
Ngày 26/11/2024

Analyst: Kiều Thị Thanh Thư

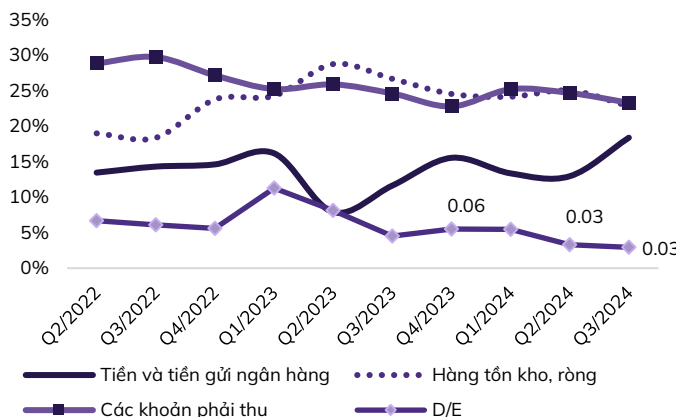
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q3/2024	Q3/2023	%svck	9T2024	9T2023	%svck	Nhận xét
Doanh thu thuần	433	411	5.2%	1,250	1,207	3.5%	DTT Q3/2024 đạt 433 tỷ đồng (+5,2% svck). Tăng trưởng đến từ mảng kinh doanh chính của doanh nghiệp – mảng dược phẩm tự sản xuất – với tăng trưởng doanh thu 5,1%. Các mảng còn lại DTT giảm mạnh, tuy nhiên tỷ trọng quá nhỏ không ảnh hưởng nhiều đến tổng DTT. Lũy kế 9T, DTT đạt 1.250 tỷ đồng (+3,5% svck).
- Dược phẩm sản xuất	416	396	5.1%	1,204	1,153	4.5%	
- Dược phẩm mua ngoài	12	7	64.8%	26	24	7.6%	
- Vật tư y tế	1	2	-47.4%	6	16	-61.4%	
- Nguyên liệu bao bì, công cụ dụng cụ	4	7	-36.8%	13	15	-14.7%	
Lợi nhuận gộp	214	200	7.4%	616	596	3.3%	
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	49.5%	48.5%		49.3%	49.4%		Biên LN gộp mảng kinh doanh chính - dược phẩm sản xuất - Q3/2024 tăng 1,4% svck, tuy nhiên lũy kế 9T biên LN mảng này giảm 0,5% svck. Do vậy, biên LNG gộp chung của doanh nghiệp Q3/2024 tăng 1% trong Q3/2024 và giảm 0,1% trong 9T2024 svck
Chi phí bán hàng	(111)	(100)	10.1%	(304)	(291)	4.4%	Tỷ trọng chi phí BH & QLDN/DTT ở mức rất cao, khoảng 30% DTT do doanh nghiệp vẫn đang phải đẩy mạnh việc kết nối với các nhà thuốc để phát triển kênh OTC.
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(21)	(24)	-13.9%	(67)	(65)	3.2%	
<i>Chi phí BH&QLDN/DTT</i>	-30.4%	-30.3%		-29.7%	-29.5%		
Doanh thu hoạt động tài chính	3	2	39.0%	9	10	-14.9%	Doanh thu hoạt động tài chính Q3/2024 tăng 1 tỷ đồng (+39% svck) nhờ lãi tiền gửi tăng. Tuy nhiên lũy kế 9T, lãi tiền gửi giảm svck khiến doanh thu tài chính 9T giảm 14,9%.
Chi phí tài chính	(5)	(5)	2.5%	(13)	(14)	-6.0%	Chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá giảm nhưng công ty phải trích dự phòng 2 tỷ đồng giảm giá đầu tư trong Q3/2024. Tính tổng các hạng mục, chi phí tài chính Q3/2024 tăng nhẹ 2,5% và lũy kế 9T giảm 6% svck.
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(1)	(1)	-42.3%	(3)	(6)	-46.4%	Chi phí lãi vay giảm mạnh 42,3% Q3/2024 và 46,4% 9T2024 svck nhờ dư nợ vay và lãi suất cùng giảm
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	88	79	12.6%	255	254	0.1%	
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	88	76	15.6%	254	253	0.7%	
LNST cổ đông công ty mẹ	75	67	11.6%	215	210	2.1%	LNST cổ đông công ty mẹ Q3/2024 đạt 75 tỷ đồng (+11,6% svck), lũy kế 9T2024, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 215 tỷ đồng (+2,1% svck).
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	17.3%	16.3%		17.2%	17.4%		

Nguồn: DBD, ABS Research

Bảng tài sản, nguồn vốn: các hạng mục chính

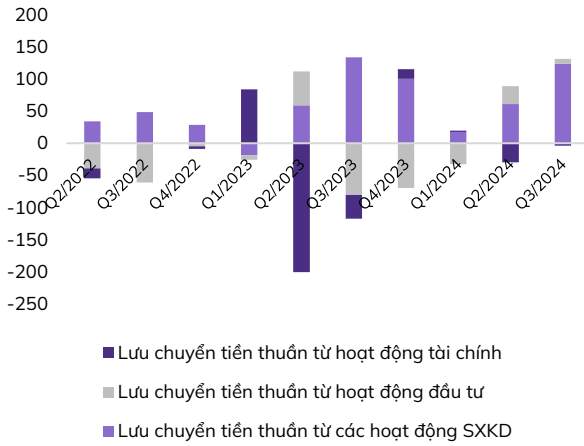


Bảng tài sản: Tỷ trọng các hạng mục so với Tổng tài sản (%)



Nguồn: DBD, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

- **Tổng tài sản** tăng 7,3% sv đầu năm, đạt 2.135 tỷ đồng.
- **Tiền và tiền gửi ngắn hạn** khá dồi dào, đạt 392 tỷ đồng, tăng 26,9% so với đầu năm, chiếm 18,4% TTS.
- **Hàng tồn kho** giảm nhẹ 0,2%. Giá trị hàng tồn kho đạt 487 tỷ đồng, chiếm 22,8% TTS. Với tính chất của doanh nghiệp chủ yếu là sản xuất, vòng quay HTK của DBD thấp hơn của các DN phân phối dược.
- **Các khoản phải thu** chiếm tỷ 23,3% TTS, tăng 9,7% so với đầu năm, đạt 497 tỷ đồng. Trong đó các khoản phải thu khách hàng giảm nhẹ, phần tăng chủ yếu đến từ khoản trả trước cho người bán.
- **Vay nợ** của doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chỉ 2,2% nguồn vốn là vay nợ. Giá trị nợ vay cuối Q3/2024 ghi nhận 48 tỷ, giảm -39,4% so với đầu năm. Trong khi đó lượng vốn chủ sở hữu lại tăng 204 tỷ đồng (+14,2% sv đầu năm). D/E của doanh nghiệp chỉ ở mức 0,03 lần tại Q3/2024. Nhìn chung tình hình tài chính của doanh nghiệp rất an toàn, áp lực trả nợ vay và lãi rất ít.
- **Dòng tiền thuần từ HĐ SXKD (CFO)** rất lành mạnh, công ty tạo đủ dòng tiền từ HĐSXKD để tài trợ cho hoạt động chính của doanh nghiệp và đầu tư vào tài sản cũng như các công cụ nợ.

Nguồn: DBD, ABS Research

Đánh giá và Khuyến nghị

- Chúng tôi kỳ vọng doanh thu Q4/2024 tăng 5% svck và biên lợi nhuận ròng đạt 17%. Ước tính doanh thu năm 2024 của DBD đạt 1.756 tỷ đồng, LNST năm 2024 dự kiến là 301 tỷ đồng. EPS và BVPS 2024F ước tính là 3.640 đ/cp và 18.356 đ/cp.

Bảng KQKD và chỉ số tài chính của DBD

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,257	1,559	1,555	1,652
Giá vốn hàng bán	(766)	(936)	(787)	(853)
Lợi nhuận gộp	491	623	768	799
Doanh thu tài chính	8	6	13	14
Chi phí tài chính	(14)	(9)	(12)	(18)
Chi phí bán hàng	(221)	(278)	(357)	(376)
Chi phí QLDN	(89)	(127)	(137)	(126)
Lợi nhuận từ HĐKD	190	231	299	322
Lãi/lỗ khác	(0)	(0.3)	(1.0)	(2.7)
Lợi nhuận trước thuế	193	232	299	320
Lợi nhuận sau thuế	158	189	244	269
LNST cổ đông Công ty mẹ	158	189	244	269

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HĐKD	213	118	165	294
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(2)	(95)	(158)	(115)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(240)	(62)	(21)	(146)
LCT thuần trong kỳ	(29)	(39)	(14)	32
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	138	109	69	56
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	109	69	56	88

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2.4	3.3	3.1	3.0
Khả năng thanh toán nhanh	1.5	1.9	1.4	1.3
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.3	0.2	0.1	0.2
Khả năng thanh toán lãi vay	27.6	163.9	142.7	42.4
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.7	0.7	0.7	0.7
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.3	0.3	0.3	0.3
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.1	0.1	0.1	0.1
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	119	106	123	116
Số ngày phải trả	75	39	60	62
Số ngày tồn kho	126	91	163	203
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	39.1%	39.9%	49.4%	48.3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	15.2%	14.8%	19.2%	19.5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	12.6%	12.1%	15.7%	16.3%
ROE	16.4%	17.8%	19.5%	19.3%
ROA	10.3%	12.6%	14.1%	13.9%
ROIC	3.3%	3.8%	4.0%	3.4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	109	69	56	88
+ Đầu tư ngắn hạn	93	139	221	221
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	413	479	510	452
+ Hàng tồn kho	215	254	450	488
+ Tài sản ngắn hạn khác	6	7	11	12
Tài sản ngắn hạn	836	948	1,248	1,261
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	249	247	357	357
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	171	184	97	163
+ Đầu tư dài hạn	142	140	155	164
+ Tài sản dài hạn khác	41	40	39	45
Tài sản dài hạn	602	611	648	728

Tổng Tài sản	2020	2021	2022	2023
+ Vay ngắn hạn	20	21	16	35
+ Phải trả người bán	103	97	163	125
+ Nợ ngắn hạn khác	225	169	226	257
Nợ ngắn hạn	348	287	405	418
+ Vay dài hạn	63	76	60	44
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	38	56	75	94
Nợ dài hạn	101	132	135	138
Tổng nợ phải trả	449	419	541	556
+ Vốn cổ phần	524	576	749	749
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	326	416	427	478
+ Quỹ khác	16	9	6	4
Vốn chủ sở hữu	989	1,141	1,355	1,433
Tổng cộng nguồn vốn	1,437	1,560	1,896	1,989

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	-0.4%	24.0%	-0.2%	6.2%
Tăng trưởng LNNT	11.0%	20.3%	28.4%	7.2%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	11.0%	19.8%	28.8%	10.5%
Tăng trưởng EPS	23.3%	-2.0%	10.1%	-0.6%
Tăng trưởng VCSH	0.0%	10.0%	30.0%	0.0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-11.3%	8.5%	21.6%	4.9%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	16.9	13.5	16.4	15.2
P/B	2.7	2.0	3.0	2.6
EV/EBITDA	12.4	9.1	12.8	10.7
EV/Sales	2.1	1.5	2.6	2.2
EPS (đồng/cp)	3,014	2,954	3,252	3,234
BVPS (đồng/cp)	18,563	19,797	18,097	19,077

Nguồn: Finpro, ABS Research

GIỚI HẠN CỦA BÁO CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 1) Các thông tin định giá trong báo cáo này chỉ nhằm tư vấn đánh giá tín dụng cho cổ phiếu và sử dụng cho các mục đích nội bộ của CTCP Chứng khoán An Bình ("Chúng tôi"). Báo cáo này không bao gồm hàm ý định giá giá trị doanh nghiệp và được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.
- 2) Kết quả đánh giá tín dụng chỉ phản ánh giá trị của tài sản tại thời điểm đánh giá.
- 3) Mặc dù tất cả thông tin trình bày trong báo cáo này được thu thập hoặc phát triển từ nguồn thông tin công khai mà Chúng tôi cho là đáng tin cậy, (các) tác giả của báo cáo này, CTCP Chứng khoán An Bình hay thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ hay nhân viên của CTCP Chứng khoán An Bình không đưa ra bất kỳ tuyên bố, cam đoan hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về sự chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của các thông tin đó.
- 4) Không có bên nào khác được quyền căn cứ vào bất kỳ phần nào của bản báo cáo của Chúng tôi hay các thông tin liên quan trừ khi được cho phép bằng văn bản của Chúng tôi. CTCP Chứng khoán An Bình không chịu bất cứ trách nhiệm nào xảy ra từ việc sử dụng trái phép báo cáo.